

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 239/2022/DS-ST

Ngày: 29-11-2022

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Công Vĩnh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Cúc.
2. Ông Nguyễn Văn Bạch.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tiểu Thơ, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 29 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai, theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 469/2022/TLST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 335/2022/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà S, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Ấp B, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp của bà S: Anh L, sinh năm 1992, địa chỉ: Ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, là đại diện theo ủy quyền của bà S (Văn bản ủy quyền ngày 10/8/2022).

- Bị đơn:

1. Bà T, sinh năm 1978;
2. Ông Q, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Ấp B, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Anh L, bà T có mặt tại phiên tòa. Ông Q có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/8/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh L đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 01/10/2021 âm lịch (Ngày 05/11/2021 dương lịch), bà S có cho ông Q, bà T vay số tiền 320.000.000 đồng, khi vay tiền có làm biên nhận do bà T đại diện ký

tên, thỏa thuận mỗi tháng ông Q, bà T trả cho bà S 20.000.000 đồng, thời gian trả tính từ ngày 01/10/2021 âm lịch đến khi trả hết nợ.

Sau khi vay tiền, ông Q, bà T không trả tiền theo thỏa thuận nên bà S đã nhiều lần yêu cầu ông Q, bà T trả tiền nhưng ông Q, bà T cứ hẹn mà không trả tiền cho bà S. Việc ông Q, bà T vay tiền của bà S không trả đã gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà S. Do đó, bà S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Q, bà T trả cho bà S số tiền vốn 320.000.000 đồng, yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 02/11/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà T trình bày: Bà đồng ý trả cho bà S số tiền 320.000.000 đồng, nhưng xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Tại bản tự khai ngày 02/11/2022, bị đơn ông Q trình bày: Ông chỉ biết vợ ông là bà T tổ chức chơi hụi nên nếu là tiền hụi thì ông đồng ý cùng trả với bà T. Còn tiền vay 320.000.000 đồng thì ông không đồng ý trả vì ông không có ký vay tiền của bà S.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn không đồng ý cho trả dần theo yêu cầu của bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Ông Q có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Q theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét bà S yêu cầu ông Q, bà T trả số tiền 320.000.000 đồng, thấy rằng:

Tại Giấy có nội dung vay tiền ngày 01/10/2021 âm lịch, thể hiện bà T vay của bà S số tiền 320.000.000 đồng, có chữ ký của bà T, được bà T thừa nhận và đồng ý trả nên theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tình tiết không phải chứng minh.

Việc bà T vay tiền của bà S nhưng khi đến hạn trả nợ mà bà T không thực hiện là vi phạm hợp đồng, là có lỗi, vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay đối với bên cho vay theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự.

Về trách nhiệm trả nợ của ông Q, thấy: Ông Q không thừa nhận có vay của bà S số tiền 320.000.000 đồng, nhưng Giấy có nội dung vay tiền ngày 01/10/2021 âm lịch không có chữ ký của ông Q, không thể hiện bà T vay để thực hiện hoạt động kinh doanh của gia đình. Hơn nữa, ông Q chỉ có nghĩa vụ liên đới khi bà T thực hiện nghĩa vụ nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình theo quy định tại khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình, nhưng trong trường hợp này bà T vay số tiền rất lớn nên không thể xác định vay nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Do đó, ông Q không có trách nhiệm trả cho bà S số tiền 320.000.000 đồng.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà S.

[4] Xét yêu cầu trả dần của bà T là nhằm kéo dài thời gian trả nợ, gây thiệt thòi quyền lợi cho bà S và không được bà S đồng ý nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Về án phí: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà S.

2. Buộc bà T có nghĩa vụ trả cho bà S số tiền 320.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà S có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà T chậm thi hành thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

3. Về án phí: Bà T phải chịu 16.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà S 8.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu tiền số 0016697 ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

5. Bà S, bà T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Ông Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Công Vĩnh Đức

